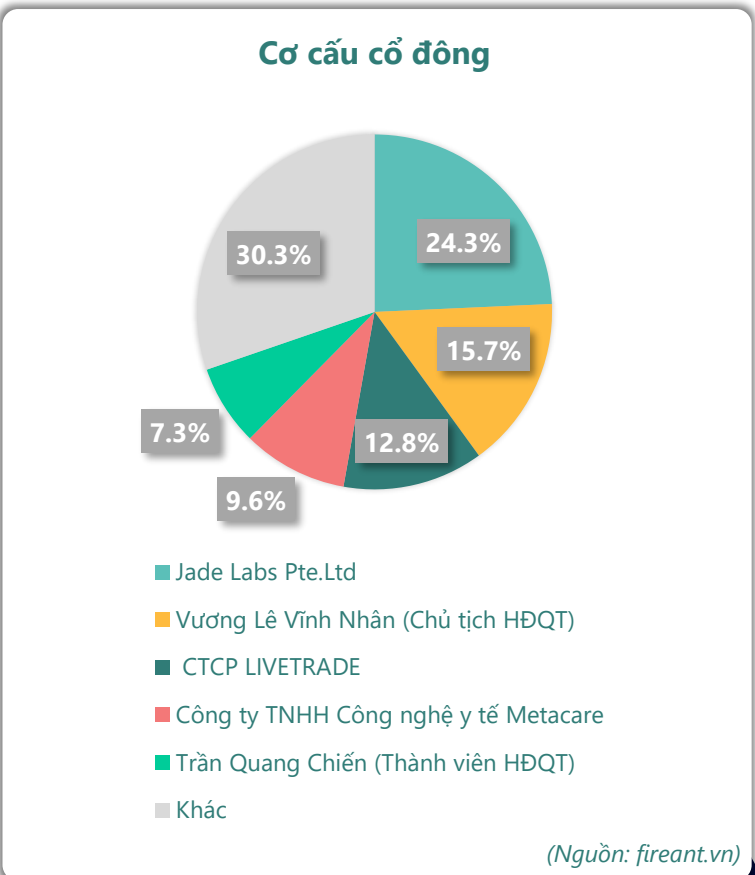
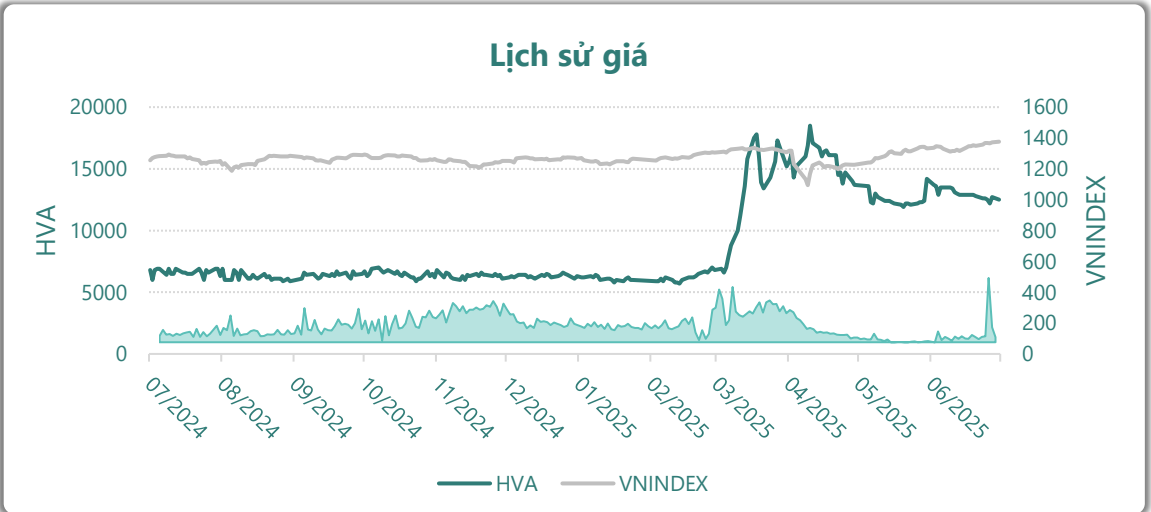
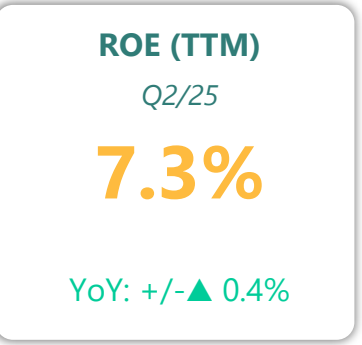
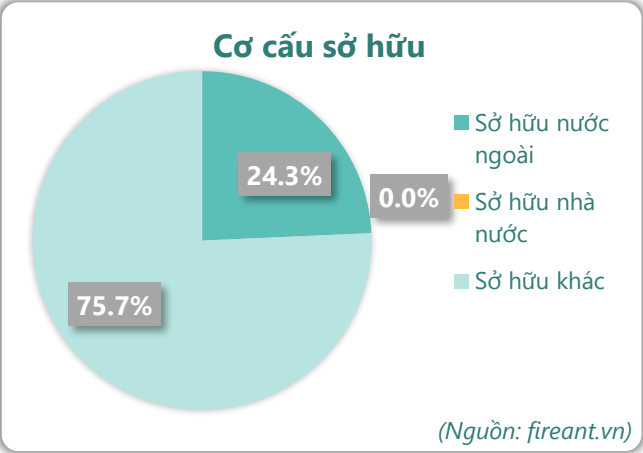


CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

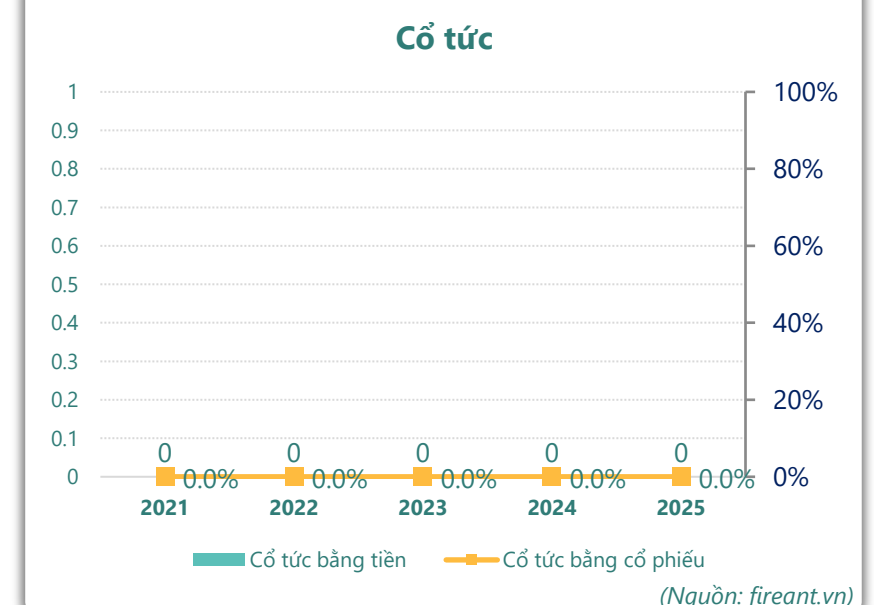
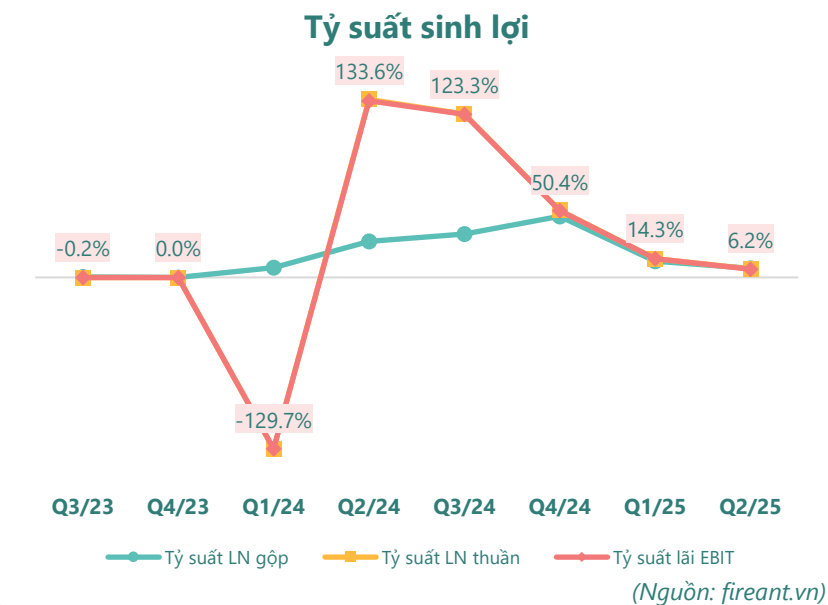
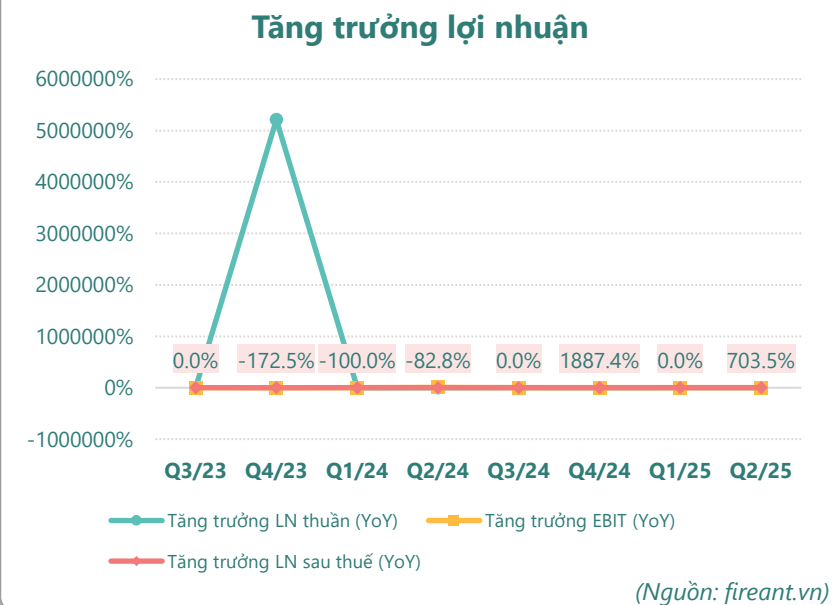
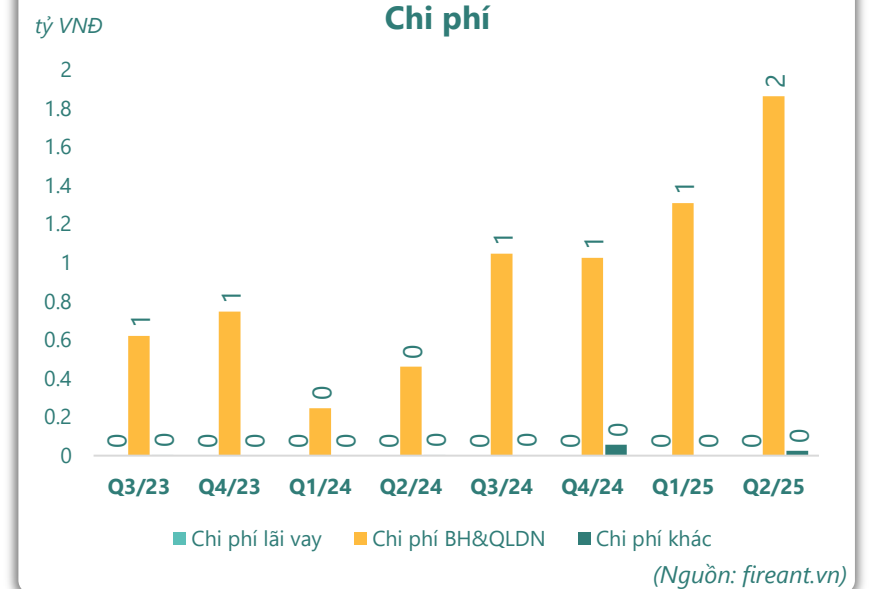
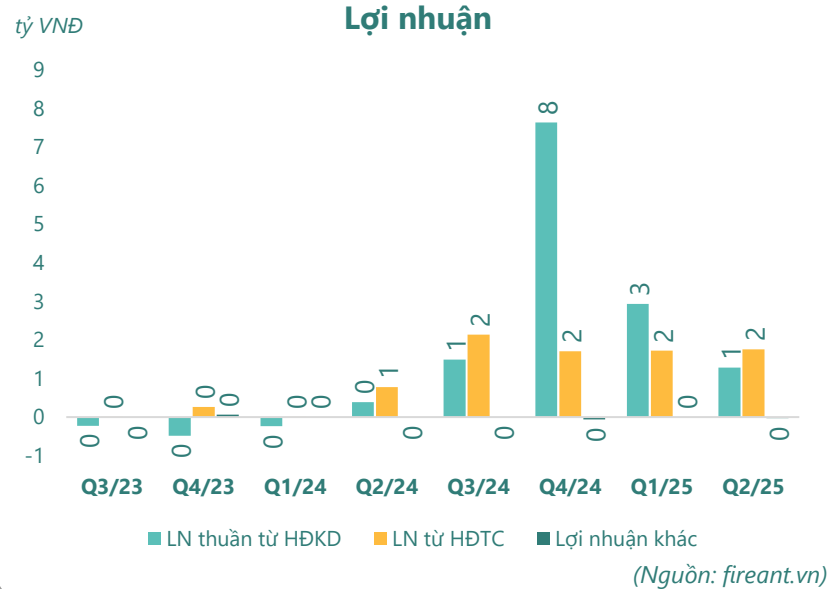
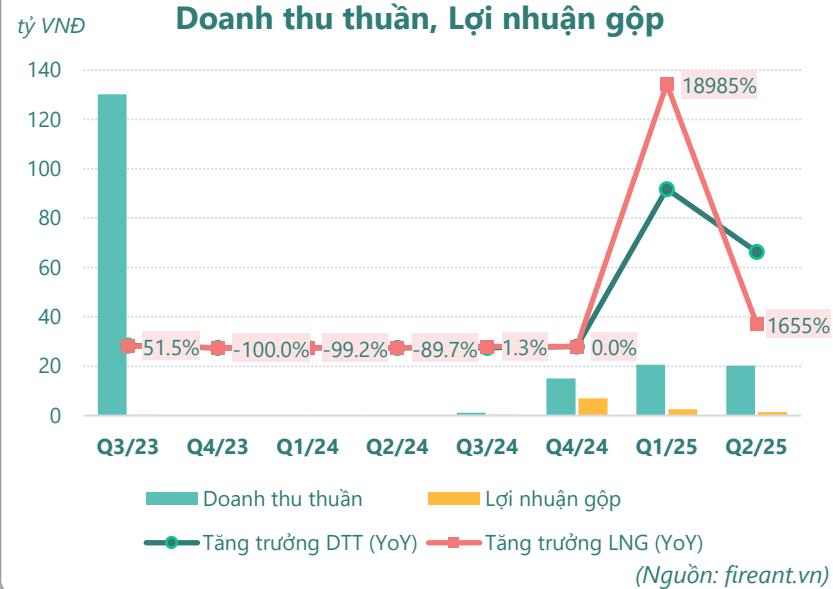
CTCP Đầu tư HVA

Ngày 30/06/2025	12,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-8.1%	-	89.4%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,700 - 18,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	171
Số lượng CPLH (CP)	13,650,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	77,980
Sở hữu nước ngoài	24.3%
Beta	0.87
EPS	776
P/E	16.1



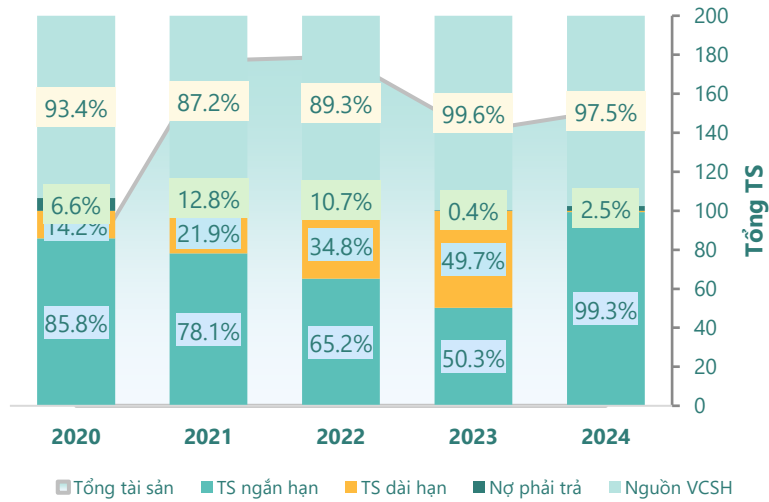
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

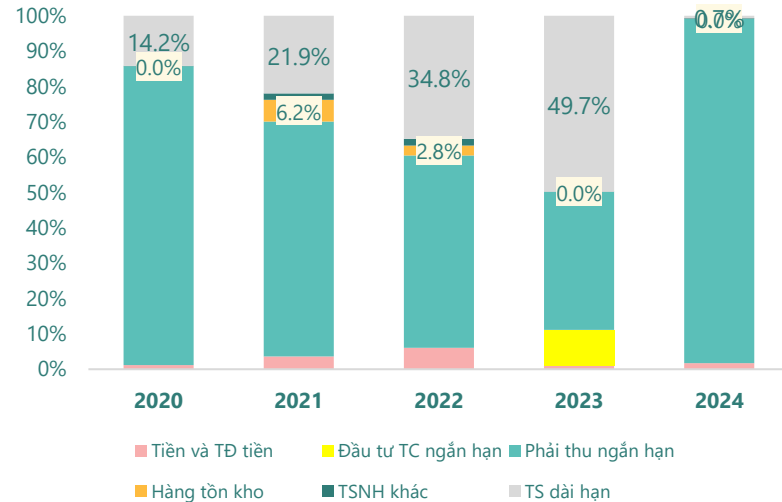
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

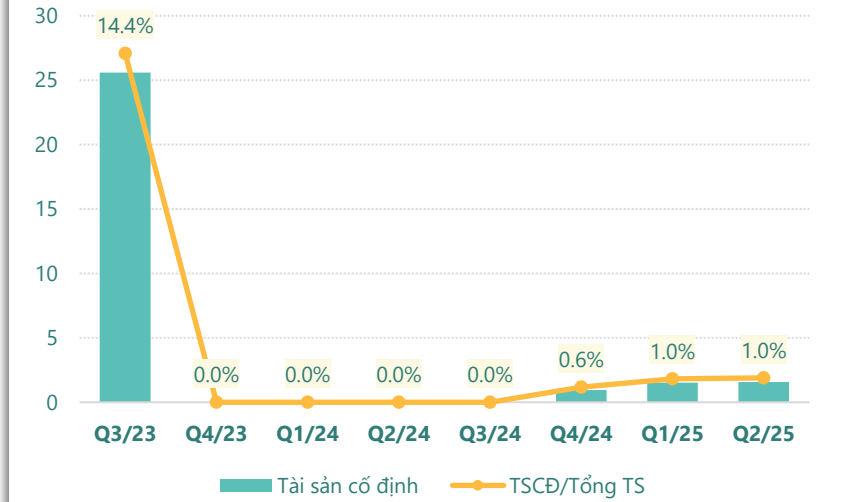
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

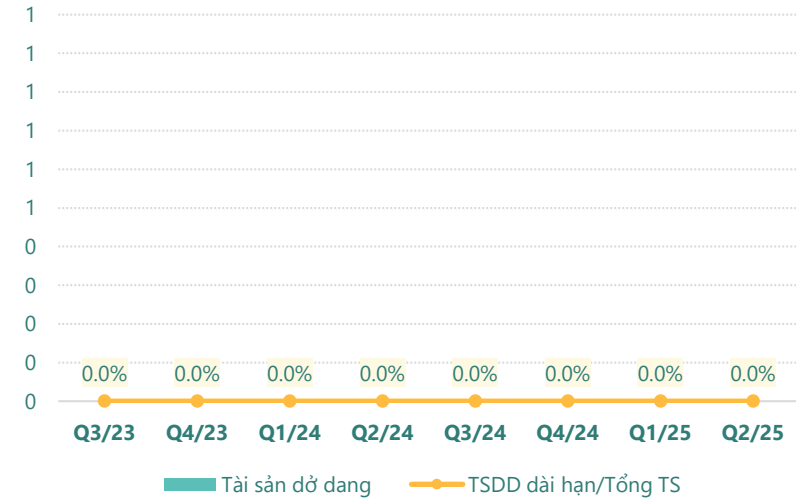
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

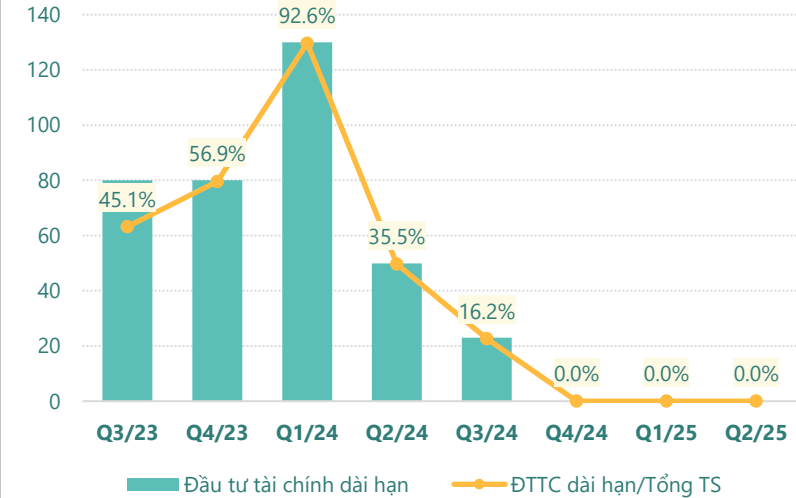
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

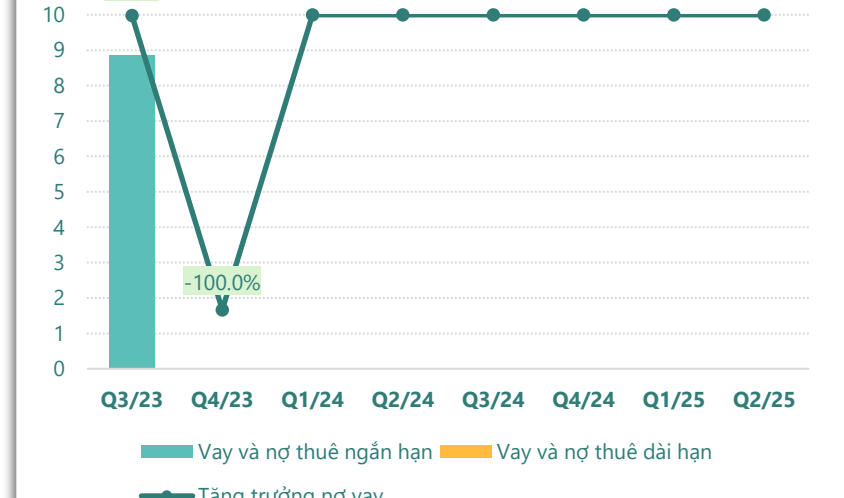
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

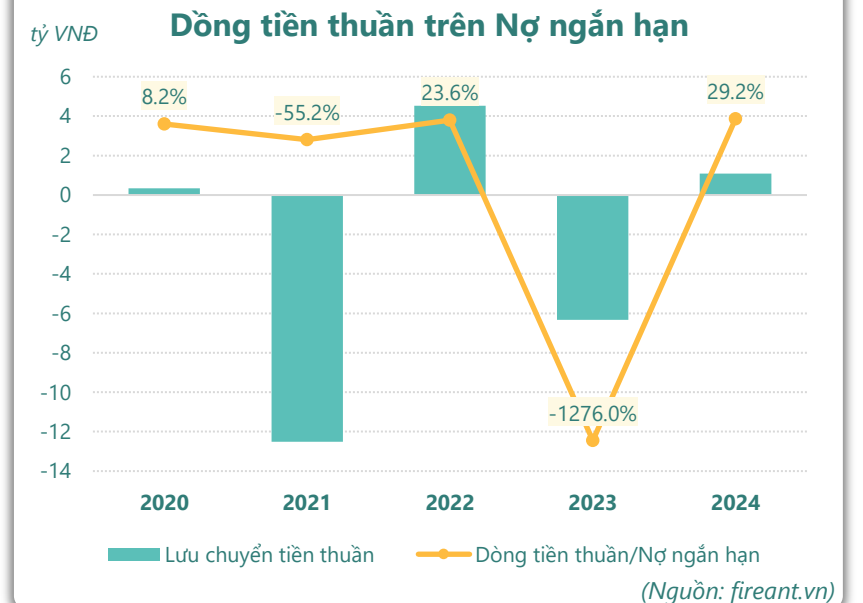
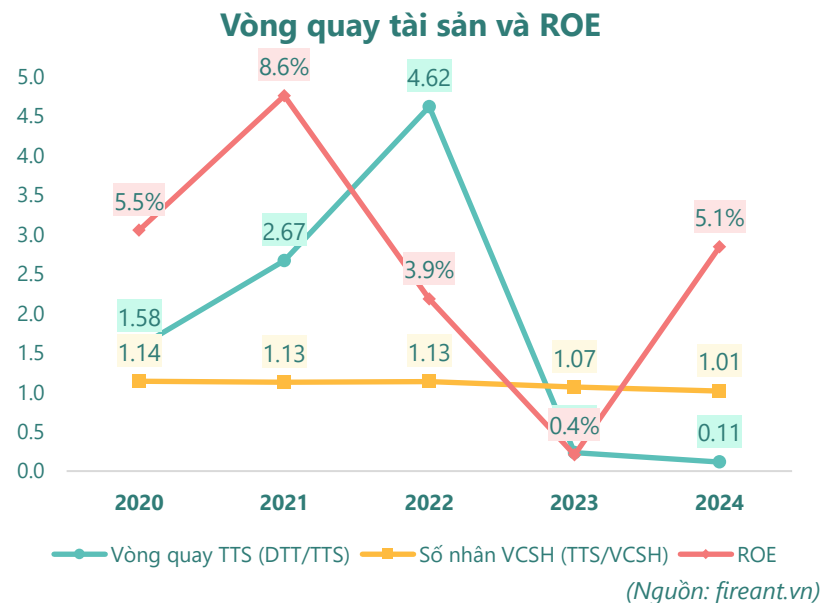
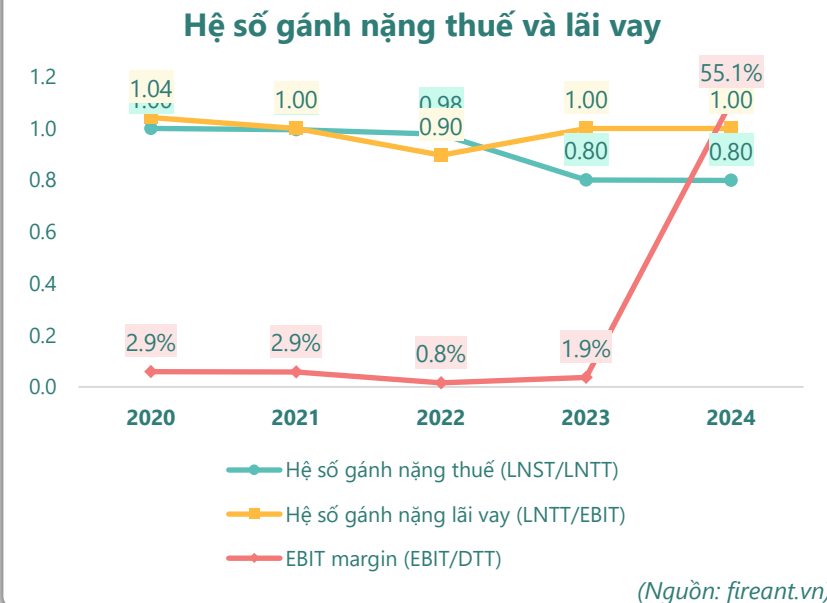
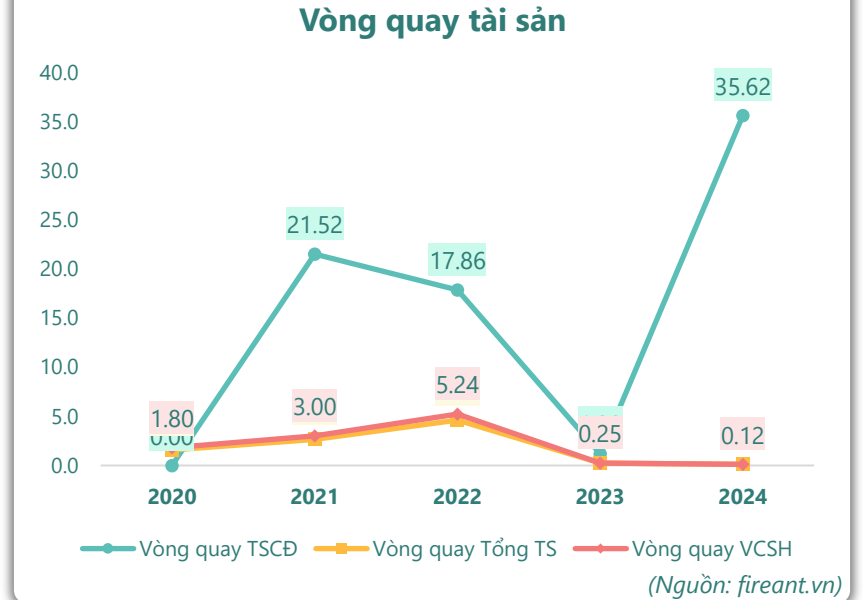
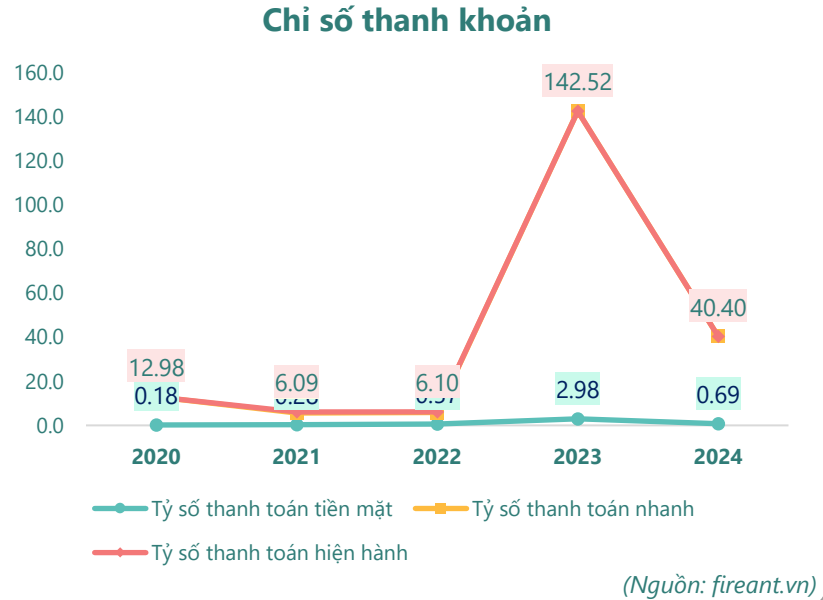
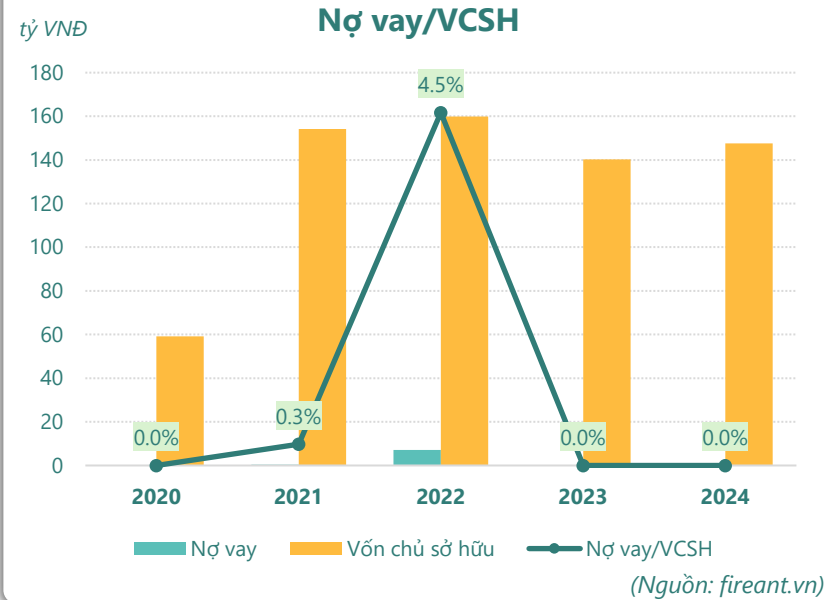
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	20.2	0.29	6878%	40.8	0.47	8591%
Giá vốn hàng bán	18.8	0.21	8875%	36.9	0.38	9682%
Lợi nhuận gộp	1.39	0.08	1636%	3.91	0.09	4131%
Doanh thu HĐTC	1.76	0.85	107%	3.48	0.85	309%
Chi phí TC	0.00	0.08	-98.5%	0.00	0.08	-98.5%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	1.86	0.46	305%	3.17	0.71	349%
LN thuần từ HĐKD	1.28	0.39	228%	4.22	0.16	2544%
Lợi nhuận khác	-0.02	0.00		-0.02	0.00	-751%
LN trước thuế	1.26	0.39	222%	4.19	0.16	2578%
Lợi nhuận sau thuế	1.00	0.36	178%	3.35	0.12	2586%
LNST của CĐ cty mẹ	1.00	0.36	178%	3.35	0.12	2586%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	64.6	-80.0	1.58	1.69	3.04	2.39
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-65.9	80.0	0	-0.95	1.08	-1.21
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	1.48	0.23	0.24	1.82	2.56	6.68
Lưu chuyển tiền thuần	-1.25	0.02	1.58	0.74	4.11	1.17
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.23	0.24	1.82	2.56	6.68	7.85

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	157	151	3.8%
Tài sản ngắn hạn	155	150	3.4%
Tiền và tương đương tiền	7.85	2.56	206%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.04	0	
Phải thu ngắn hạn	146	147	-1.0%
Hàng tồn kho	0.28	0	
Tài sản ngắn hạn khác	1.30	0.29	348%
Tài sản dài hạn	1.69	1.07	58.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1.58	0.94	68.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.11	0.13	-10.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6.13	3.72	64.8%
Nợ ngắn hạn	6.13	3.72	64.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	4.72	1.43	231%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	151	148	2.3%
Vốn chủ sở hữu	151	148	2.3%
Vốn điều lệ	137	137	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

